TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2018/HSST
Ngày: 26/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hảo Phát.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lưu Thị Tuyết Mai;**
2. Ông **Nguyễn Hoàng Đức.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần V L**, sinh năm 19xx; Tại: Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; CMND số: xxxxxx; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Trần V N và bà Nguyễn Thị T; vợ: Trần Thị N C, có 01 con sinh năm 20xx.

Tiền sự: Không có;

Tiền án: Tại Bản án số 81 ngày 28/9/2015, Tòa án nhân dân huyện C, áp dụng điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 138 BLHS xử phạt 04 tháng 06 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong hình phạt.

+ Tại Bản án số 17 ngày 30/12/2015, Tòa án nhân dân huyện C, áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 Điều 138 BLHS, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong án phạt.

+ Tại Bản án số 46 ngày 05/7/2017, Tòa án nhân dân huyện B, áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 138 BLHS xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong án phạt.

Bị can bị tạm giữ ngày 11/6/2019, tạm giam từ ngày 20/6/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bị hại:***

1. Anh **Lê T N**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn L T**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Khu phố x, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

4. Chị **Lê Thị H T**, sinh năm 19xx; địa chỉ: Số xxx, tổ 3, Ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần V L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần V L là đối tượng có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Sau khi ra tù, để có tiền tiêu xài, L đã chuẩn bị một cây đoản tự chế và rủ người tên D (không rõ nhân thân, lý lịch) đi tìm xe mô tô của người dân để không người trông coi, dùng đoản bẻ khóa trộm xe bán lấy tiền tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/5/2019 đến ngày 11/6/2019, D dùng xe mô tô của mình chở L đi trên địa bàn huyện H và huyện G thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 10/5/2019, D chở L đến khu vực ấp X, xã H, huyện H, nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn bạc-đen, biển số 70G1-192.13 của anh Lê T N, sinh năm 19xx dựng trong nhà không khóa cửa. D dừng xe đứng đợi, L đi vào nhà dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe của anh N giao cho D đem đi bán cho người không quen biết được 6.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Sau đó trong quá trình tuần tra giao thông, Công an xã T phát hiện tạm giữ xe trả cho bị hại.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 18/5/2019, D chở L đến khu vực ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh, nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn đỏ-đen, biển số 70F1-463.50 của chị Lê Thị H T, sinh năm 1971 dựng trước nhà không người trông coi, trên xe có cắm sẵn chìa khóa công tắc. D dừng xe đứng đợi, L đi đến lấy trộm xe của chị T đem sang Campuchia bán được 9.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 11/6/2019, D tiếp tục chở L đi đến khu vực bờ kênh trong rẫy nhãn thuộc ấp N, xã T, huyện H, nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển số 70D1-082.68 của anh Nguyễn L T, sinh năm 1994, ngụ khu phố x, thị trấn H dựng trên bờ kênh, có cắm sẵn chìa khóa công tắc không người trông coi. D dừng xe đứng đợi, L đi đến lấy trộm xe của anh T thì bị bắt quả tang, riêng D đã điều khiển xe chạy thoát.

Bị cáo đã có 03 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Lần phạm tội này, bị can thực hiện liên tục 03 vụ trộm đều đủ định lượng. Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Tại Kết luận định giá số 77 ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Hòa Thành, kết luận:

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn bạc-đen, biển số 70G1-192.13 có giá 9.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ-đen, biển số 70D1-082.68 có giá 10.500.000 đồng;

Tại Kết luận định giá số 71 ngày 17/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu sơn đỏ-đen, biển số 70F1-463.50 có giá 11.200.000 đồng;

Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 30.700.000 đồng.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: có bảng thống kê kèm theo.

* Về bồi thường thiệt hại:

Anh Nguyễn L T và Lê T N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Chị Lê Thị H T yêu cầu bồi thường số tiền 11.200.000 đồng, bị can chưa bồi thường.

Qua xác minh Trần V L không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Đối với người tên D hiện chưa xác định được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKSNA-HT ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành đã truy tố bị cáo Trần V L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần V L về tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần V L phạm tội trộm cắp tài sản, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần V L từ 03 năm đến 04 năm tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo L nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với xã hội, bị cáo hứa sẽ không tái phạm và bị cáo sẽ bồi thường cho các bị hại.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, Kiểm sát viên trong quá trình đều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Từ ngày 10/5/2019 đến ngày 11/6/219, Trần V L đã liên tiếp thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là 03 xe mô tô trên địa bàn huyện G và huyện H, tỉnh Tây Ninh. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 30.700.000 đồng. Bị cáo đã có 03 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo L có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại nên cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo như:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo tự thú khai ra những lần phạm tội khác theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu do có tiền án.

[4] Về vật chứng thu giữ: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiền Việt Nam 1.518.000 đồng (Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) là tài sản của bị cáo nên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 037282 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho Trần V L, sinh năm 1993, ngụ tại ấp T, xã L, huyện C, Tây Ninh; 01 giấy chứng minh nhân dân số 291059164 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho Trần V L, sinh năm 1993, ngụ tại ấp T, xã L, huyện C, Tây Ninh là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, màn hình bị nứt vỡ số imei 1: 354797/06/000333/5, số imei 2: 354798/06/000333/3, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điếu bằng kim loại sắt hình chữ T, có quấn băng keo màu đen; 01 thanh sắt hình lục giác, một đầu được mài dẹp, dài 08cm; 03 chìa khóa bằng kim loại sắt. Đã qua sử dụng của bị cáo L là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 bóp bằng da màu nâu, không có nhãn hiệu, kích thước 08cmx 15cm; 01 mũ lưỡi trai bằng vải, màu đỏ, không có nhãn hiệu; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu xanh không có nhãn hiệu của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn L T và Lê T N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên ghi nhận.

Chị Lê Thị H T yêu cầu bồi thường số tiền 11.200.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

Bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần V L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần V L 03 năm (Ba năm) 06 (Sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Hoàn trả cho bị cáo tiền Việt Nam 1.518.000 đồng (Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Hoàn trả cho bị cáo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 037282 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho Trần V L, sinh năm 1993, ngụ tại ấp T, xã L, huyện C, Tây Ninh; 01 giấy chứng minh nhân dân số 291059164 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho Trần V L, sinh năm 19xx, ngụ tại ấp T, xã L, huyện C, Tây Ninh.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, màn hình bị nứt vỡ số imei1: 354797/06/000333/5, số imei2: 354798/06/000333/3, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 điếu bằng kim loại sắt hình chữ T, có quấn băng keo màu đen; 01 thanh sắt hình lục giác, một đầu được mài dẹp, dài 08cm đã qua sử dụng; 03 chìa khóa bằng kim loại sắt đã qua sử dụng; 01 bóp bằng da màu nâu, không có nhãn hiệu, kích thước 08cmx 15cm; 01 mũ lưỡi trai bằng vải, màu đỏ, không có nhãn hiệu; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu xanh không có nhãn hiệu đã qua sử dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho chị Lê Thị H T số tiền 11.200.000 đồng.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo L không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Trần V L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hảo Phát

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (L).